

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16/2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 23 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính
sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đăng ký
doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động kiểm
tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định quy trình kiểm tra nội
dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 23 Nghị
định số 168/2025/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh.
- Ủy ban nhân dân xã, phường.
- Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh và các đơn vị phụ thuộc có trụ sở chính
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc kiểm tra

- Tuân thủ đúng quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được

sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15; Nghị định số 168/2025/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp; Nghị định số 217/2025/NĐ-CP về hoạt động kiểm tra chuyên ngành và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Đảm bảo đúng thẩm quyền, kịp thời, chính xác, không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động kiểm tra chuyên ngành khác.

2. Công khai, minh bạch, khách quan, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Không gây phiền hà, cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. Ưu tiên kiểm tra theo dữ liệu trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm, sử dụng phương thức hậu kiểm sau đăng ký. Kết hợp kiểm tra hồ sơ điện tử, kiểm tra trực tuyến và hồ sơ tại trụ sở doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Miễn kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh tuân thủ tốt quy định của pháp luật. Đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật trong quá trình kiểm tra.

Điều 4. Thẩm quyền kiểm tra

1. Giám đốc Sở Tài chính ban hành quyết định kiểm tra đối với các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh là cơ quan đầu mối tổ chức thực hiện kiểm tra.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định kiểm tra đối với các hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã là cơ quan đầu mối tổ chức thực hiện kiểm tra.

Điều 5. Hình thức và tiêu chí lựa chọn hình thức kiểm tra

1. Hình thức kiểm tra:

a) Kiểm tra trực tiếp: Kiểm tra tại trụ sở của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

b) Kiểm tra gián tiếp: Phân tích dữ liệu và hồ sơ điện tử, đối chiếu thông tin giữa các cơ sở dữ liệu và hồ sơ đối tượng kiểm tra cung cấp.

2. Tiêu chí lựa chọn hình thức kiểm tra:

a) Đối với trường hợp cần kiểm tra việc hoạt động theo địa chỉ đã đăng ký, các địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc kiểm tra việc hoạt động kinh doanh có đúng ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký, các ngành nghề kinh doanh có điều kiện: Tiến hành kiểm tra trực tiếp tại trụ sở, địa điểm.

b) Đối với trường hợp kiểm tra việc góp vốn, thay đổi vốn, thông tin của doanh nghiệp và các nội dung khác: Tiến hành kiểm tra gián tiếp qua các dữ liệu điện tử được lưu trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 6. Thời hạn và tần suất kiểm tra

1. Thời hạn kiểm tra: Theo quy định tại các điểm b, c, d khoản 2 Điều 13 Nghị định 217/2025/NĐ-CP.
2. Tần suất kiểm tra: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 198/2025/QH15.

Điều 7. Lập, phê duyệt, điều chỉnh và công khai kế hoạch kiểm tra

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã căn cứ định hướng, kế hoạch công tác và trên cơ sở dữ liệu, hồ sơ đã có lựa chọn, lập danh sách doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh để kiểm tra theo thẩm quyền; phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh rà soát danh sách doanh nghiệp, hộ kinh doanh được kiểm tra để tránh trùng lặp; xây dựng kế hoạch kiểm tra (gồm danh sách và nội dung kiểm tra), trình cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phê duyệt.

2. Sở Tài chính phê duyệt kế hoạch kiểm tra đối với doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp; Ủy ban nhân dân xã, phường phê duyệt kế hoạch kiểm tra đối với hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý trước ngày 31/10 hằng năm.

3. Kế hoạch kiểm tra của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã phải gửi cho Thanh tra tỉnh và cơ quan có liên quan trước khi ban hành để xử lý chồng chéo, trùng lặp.

4. Điều chỉnh kế hoạch kiểm tra:

Trong trường hợp phát sinh yêu cầu quản lý nhà nước hoặc tình huống cần thiết, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã được đề xuất điều chỉnh kế hoạch kiểm tra và trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

5. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh công khai kế hoạch kiểm tra trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính; cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã công khai kế hoạch kiểm tra trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 8. Quyết định kiểm tra

1. Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra

- a) Theo kế hoạch kiểm tra hàng năm được phê duyệt.
- b) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc sự cố, sự kiện, dấu hiệu bất thường theo quy định của pháp luật;
- c) Theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Nội dung quyết định kiểm tra

- a) Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra;

- b) Phạm vi, nội dung kiểm tra;
- c) Đối tượng kiểm tra;
- d) Thời hạn kiểm tra;
- đ) Thành phần Đoàn kiểm tra.

3. Quyết định kiểm tra được công bố với đối tượng kiểm tra khi tiến hành kiểm tra.

Điều 9. Nội dung kiểm tra

1. Đối với đăng ký doanh nghiệp, nội dung kiểm tra bao gồm:

a) Thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

b) Việc thực hiện nghĩa vụ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định.

c) Việc tuân thủ quy định của pháp luật về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định.

d) Các nội dung khác liên quan trực tiếp đến việc đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 và Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

2. Đối với đăng ký hộ kinh doanh, nội dung kiểm tra bao gồm:

a) Thông tin đăng ký thành lập hộ kinh doanh; kê khai thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh.

b) Việc thực hiện nghĩa vụ đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; tạm ngừng, tiếp tục kinh doanh; chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh theo quy định.

c) Việc tuân thủ quy định của pháp luật về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

d) Các nội dung khác liên quan trực tiếp đến đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

3. Việc kiểm tra của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh đối với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã:

Nội dung kiểm tra là việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật và Quyết định này.

Điều 10. Trình tự kiểm tra

1. Thành lập Đoàn kiểm tra: Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường ban hành quyết định thành lập Đoàn kiểm tra. Đoàn kiểm tra

chuyên ngành gồm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn (nếu có) và các thành viên. Tiêu chuẩn của Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP.

2. Ban hành kế hoạch tiến hành kiểm tra: Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm chủ trì xây dựng kế hoạch tiến hành kiểm tra, trình người ra quyết định kiểm tra phê duyệt. Nội dung Kế hoạch tiến hành kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP.

3. Thông báo kiểm tra: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo lịch kiểm tra, nội dung kiểm tra đến từng doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trước ngày tiến hành kiểm tra tối thiểu 05 ngày làm việc (trừ trường hợp kiểm tra đột xuất).

4. Tiến hành kiểm tra: Trưởng đoàn kiểm tra công bố quyết định kiểm tra, thông báo chương trình làm việc. Đoàn kiểm tra tiến hành thu thập, xem xét, đánh giá thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra, yêu cầu đối tượng kiểm tra giải trình các vấn đề liên quan. Việc kiểm tra thông qua hai hình thức:

a) Kiểm tra trực tiếp: Đoàn kiểm tra yêu cầu đối tượng kiểm tra cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra. Tiến hành kiểm tra hồ sơ, đối chiếu các thông tin đã kê khai trong hồ sơ đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh với thực tế doanh nghiệp, hộ kinh doanh cung cấp.

b) Kiểm tra gián tiếp: Đề nghị doanh nghiệp, hộ kinh doanh gửi báo cáo, cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra. Tiến hành phân tích dữ liệu và hồ sơ điện tử, đối chiếu thông tin giữa các cơ sở dữ liệu và hồ sơ đối tượng kiểm tra cung cấp.

5. Lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính, xử lý kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP.

6. Ban hành kết luận kiểm tra: Ban hành kết luận kiểm tra chung sau khi kết thúc toàn bộ quá trình kiểm tra. Kết luận chỉ rõ sai phạm (nếu có), căn cứ pháp lý và biện pháp xử lý.

Điều 11. Tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh theo dõi việc thực hiện kết luận kiểm tra, biện pháp khắc phục theo quy định của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; thực hiện các biện pháp nghiệp vụ sau khi kiểm tra; phối hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp cưỡng chế đối với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh không thực hiện theo các nội dung Kết luận, biện pháp khắc phục theo quy định.

2. Doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện kết luận trong thời hạn quy định và phải thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định nếu có vi phạm.

Điều 12. Công tác phối hợp, chia sẻ thông tin và trách nhiệm các cơ quan có liên quan trong hoạt động kiểm tra

1. Việc kiểm tra nội dung đăng ký kinh doanh được thực hiện trên cơ sở phân định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước của từng cơ quan theo quy định của pháp luật, bảo đảm phối hợp chặt chẽ, kịp thời, hiệu quả; tránh chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động kiểm tra.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh là đầu mối chủ trì trong việc tổ chức kiểm tra; có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trên địa bàn như cơ quan thuế, công an và các cơ quan, đơn vị khác trong việc trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ hoạt động kiểm tra khi cần thiết, đặc biệt trong trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh; phối hợp thực hiện kiểm tra và xử lý các vấn đề phát sinh theo quy định của pháp luật.

4. Việc trao đổi, cung cấp và khai thác thông tin giữa các cơ quan được thực hiện công khai, minh bạch, đúng mục đích; bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.

5. Khuyến khích và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu, trao đổi hồ sơ và kết quả kiểm tra giữa các cơ quan; từng bước thực hiện việc gửi, nhận, lưu trữ thông tin, tài liệu bằng phương thức điện tử theo quy định.

6. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm thuộc chức năng, thẩm quyền của cơ quan, đơn vị khác thì thông báo bằng văn bản đến cơ quan, đơn vị đó để xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm theo dõi việc triển khai kế hoạch kiểm tra nội dung đăng ký kinh doanh trên địa bàn; kịp thời đôn đốc việc thực hiện các cuộc kiểm tra theo kế hoạch đã được phê duyệt; tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền về tình hình, kết quả thực hiện và đề xuất điều chỉnh kế hoạch kiểm tra trong trường hợp cần thiết theo quy định.

2. Việc theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra được thực hiện thông qua việc quản lý kế hoạch kiểm tra, kết quả kiểm tra, báo cáo tiến độ, báo cáo kết quả của các Đoàn kiểm tra.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 4 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng ban, ngành, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn; Chủ

tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; các tổ chức, cá nhân và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Như Điều 14 (thi hành);
- Các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KTN 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Huy Ngọc

